



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

\*\*\*\*\*



## LÝ LỊCH KHOA HỌC

| 1. Thông tin cá nhân       |   |
|----------------------------|---|
| Họ và tên                  | Vũ Văn Doanh  |
| Ngày, tháng, năm sinh      | 09/03/1981  |
| Giới tính                  | Nam   |
| Nơi sinh                   | Quang Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa                             |
| Địa chỉ liên lạc           | 19B Ngách 63/56/ ngõ 63 Trần Quốc Vượng, Cầu Giấy, Hà Nội |
| Điện thoại cơ quan         | 0243.8370596/1408   |
| Điện thoại di động         | 0989982239  |
| Email                      | vvdoanh@hure.edu.vn                                       |
| Học vị                     | Tiến sĩ   |
| Năm, nơi công nhận học vị  | 2018, Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội              |
| Học hàm                    |   |
| Năm phong hàm              |   |
| Chức danh nghề nghiệp      | Giảng viên chính hạng II                                  |
| Chức vụ và đơn vị công tác | Phó Trưởng khoa, Khoa Môi trường                          |

| 2. Trình độ học vấn    |             |                              |   |
|------------------------|-------------|------------------------------|---|
| 2.1. Quá trình đào tạo |             |                              |   |
| Năm tốt nghiệp         | Bậc đào tạo | Ngành (chuyên ngành) đào tạo | Cơ sở đào tạo (ghi rõ tên và quốc gia)    |
| 2003                   | Đại học     | Khoa học Môi trường          | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – ĐHQGHN |
| 2005                   | Thạc sĩ     | Khoa học Môi trường          | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – ĐHQGHN |
| 2018                   | Tiến sĩ     | Khoa học Môi trường          | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên – ĐHQGHN |

|  |  |  |
|--|--|--|
| <b>2.2. Tên luận án tiến sĩ</b><br>(nếu đã bảo vệ) |  | <b>Đánh giá thiệt hại kinh tế của nước biển dâng do Biến đổi khí hậu đến sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Nam Định</b> |
| <b>2.3. Các khóa đào tạo ngắn hạn (nếu có)</b>     |  |  |
| Thời gian  | Nội dung đào tạo   | Đơn vị đào tạo   |
| 8/2006   | Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo         | Sở Giáo dục Thanh Hóa  |
| 6/2009   | Quản lý môi trường   | Thái Lan   |
| 3/2012   | Quản lý môi trường đô thị  | JICA Nhật Bản  |
| 7/2008   | Bồi dưỡng sư phạm bậc I  | Đại học sư phạm 2  |
| 12/2013  | Tiếng Anh  | Trường Đại học ngoại ngữ, Đại học quốc gia   |
| 6/2016   | Nghiệp vụ sư phạm  | Đại học sư phạm Hà Nội   |
| 12/2016-2/2017                                     | Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính hạng II | Đại học giáo dục   |
| 9/2018   | Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng                                    | Trường Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ Công thương Trung Ương  |
| 2/2018-5/2019                                      | Trung cấp lý luận chính trị  | Trường bồi dưỡng cán bộ, Bộ Công thương  |
| <b>2.4. Trình độ ngoại ngữ</b>                     |  |  |
| Ngoại ngữ  | Trình độ, mức độ sử dụng   |  |
| Tiếng Anh  | B2   |  |

|                              |   |   |
|------------------------------|---|---|
| <b>3. Quá trình công tác</b> |   |   |
| Từ năm...đến năm..           | Nơi công tác  | Vị trí công tác                                     |
| 12/2003- 8/2005              | Trung Tâm Khoa học công nghệ Môi trường và Phát triển – Liên hiệp các hội khoa học Việt Nam   | Nhân viên   |
| 8/2005- 10/2008              | Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường Miền Trung   | Giáo viên   |
| 10/2008– 8/2010              | Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường Hà Nội   | Giảng viên  |
| 8/2010 – 9/2013              | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội  | Giảng viên, Phó tổ trưởng bộ môn Quản lý Môi trường |
| 9/2013 -9/2019               | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội  | Giảng viên, Phụ trách bộ môn Quản lý Môi trường     |
| 9/2019 -3/2020               | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội | Giảng viên, Trưởng bộ môn Quản lý Môi trường        |
| 3/2020- 12/2020              | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội  | Chi ủy viên, Chi bộ Giảng                           |

|                  |  |  |
|------------------|--|--|
|                  | trường Hà Nội                                  | viên môi trường, Khoa môi trường, Trưởng bộ môn Quản lý Môi trường                             |
| 12/2020 – 5/2023 | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội | Giảng viên chính, Chi ủy Viên, chi bộ Giảng viên môi trường, Trưởng bộ môn Quản lý Môi trường, |
| 6/2023 - Nay     | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội | Giảng viên chính, Chi ủy Viên, chi bộ Giảng viên môi trường, Phó trưởng khoa Môi trường        |

| <b>4. Nghiên cứu khoa học</b>   |   |   |   |  |
|---|---|---|---|--|
| <b>4.1. Lĩnh vực nghiên cứu</b>   |   |   |   |  |
| Hướng nghiên cứu chính  |   | Quản lý tài nguyên và môi trường  |   |  |
| Chuyên ngành nghiên cứu   |   | Khoa học môi trường   |   |  |
| <b>4.2. Các công trình khoa học đã công bố</b>                                |   |   |   |  |
| <b>4.2.1. Sách chuyên khảo, sách tham khảo, giáo trình, sách hướng dẫn...</b> |   |   |   |  |
| STT   | Tên sách  | Mức độ tham gia<br>(là chủ biên, là đồng tác giả, tham gia viết một phần) | Năm xuất bản  | Nơi xuất bản                                 |
| 1   | Kiểm soát ô nhiễm môi trường nông thôn  | Đồng tác giả  | 2020  | NXB Chính trị Quốc gia sự thật               |
| 2   | Chuỗi giá trị và thương mại ngành hàng nông lâm sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khủng hoảng sinh thái | Đồng tác giả  | 2022  | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội                  |
| <b>4.2.2. Các bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước</b>               |   |   |   |  |
| STT   | Tên bài báo   | Năm công bố   | Tên, số tạp chí công bố, trang tạp chí                  | Mức độ tham gia<br>(là tác giả/đồng tác giả) |
| 1   | “Đánh giá thiệt hại kinh tế của nước biển dâng tới sử dụng đất nông nghiệp tại các huyện ven biển tỉnh Nam Định”      | 2017  | <i>Tạp chí Khí tượng Thủy văn</i> , Số 677 tháng 5/2017 | Tác giả                                      |
| 2   | Nam Định tăng cường các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu  | 2018  | <i>Tạp chí Môi trường</i> Số 2 ISSN 1859-042X           | Tác giả                                      |
| 3   | “Assessment Procedure for Sea Level Rise Economic Damage due to Climate Change in                                     | 2018  | <i>Vietnam Science and Technology</i> , Jun/2018        | Tác giả                                      |

|    |   |      |  |              |
|----|---|------|--|--------------|
|    | Agricultural Land Use Case study in Nam Dinh Province'  |      |  |              |
| 4  | Xây dựng quy trình lượng giá thiệt hại kinh tế của nước biển dâng do biến đổi khí hậu tới sử dụng đất nông nghiệp quy mô cấp huyện tại tỉnh Nam Định            | 2018 | <i>Tạp chí nghiên cứu Địa lý nhân văn</i><br>ISSN 2354 - 0648  | Tác giả      |
| 5  | Đánh giá thiệt hại kinh tế của nước biển dâng do biến đổi khí hậu tới sử dụng đất nông nghiệp tại các huyện ven biển tỉnh Nam Định, trong giai đoạn 2020 - 2050 | 2018 | <i>An toàn vệ sinh lao động Số 7</i><br>ISSN 2615-9082   | Tác giả      |
| 6  | Bảo tồn hệ sinh thái rạn san hô (RSH) xã Tam Hải, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam   | 2018 | <i>Tạp chí Môi trường Số 6</i><br>ISSN 1859-042X   | Tác giả      |
| 7  | Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS trong nghiên cứu biến động diện tích cây xanh khu vực nội thành Hà Nội giai đoạn 2013 - 2016                                | 2018 | <i>Tạp chí Khoa học biến đổi khí hậu số 5</i> ISSN 2525-2496   | Tác giả      |
| 8  | Phù Yên: Trồng cây ăn quả phủ xanh đất trống, đòi trợ góp phần xây dựng nông thôn mới   | 2019 | <i>Tạp chí Môi trường Số 6</i><br>ISSN 1859-042X   | Tác giả      |
| 9  | Huyện Kim Động, Hưng Yên: Tập trung sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường trong xây dựng  | 2019 | <i>Tạp chí Môi trường Số 6</i><br>ISSN 1859-042X   | Tác giả      |
| 10 | Xây dựng quy trình xác định lớp phủ thực vật tại Thành phố Hà Nội bằng công nghệ Viễn thám và GIS   | 2019 | <i>Tạp chí Tài nguyên và Môi trường, số 1-2 - 2020</i> , Bộ Tài nguyên và Môi trường<br>ISSN 1859 1477 | Tác giả      |
| 11 | Nghiên cứu mức sẵn lòng chi trả để cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt tại thị trấn Hát Lót, Tỉnh Sơn La                                     | 2020 | <i>Tạp chí Phát triển bền vững vùng</i><br>ISSN 2354 -0729   | Đồng tác giả |
| 12 | A study on the effects of sea level rise on mangrove ecosystem in Giao Thủy district, Nam Dinh province   | 2020 | Vietnam Journal of science, technology and engineer 62(3): 90-96                                       | Tác giả      |

|    |  |      |   |              |
|----|--|------|---|--------------|
| 13 | Đánh giá hiện trạng công tác quản lý chất thải rắn công nghiệp tại khu công nghiệp Thăng Long, Hà Nội và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp                                   | 2020 | <i>Tạp chí Tài nguyên và Môi trường</i> , số 10 (360) 5/2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường<br>ISSN 1859 1477 | Đồng tác giả |
| 14 | Định hướng đào tạo ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên và môi trường để nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên và môi trường ở Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội | 2021 | Tạp chí Kinh tế Môi trường, ISSN:1859-1906 Số 185 : 9/2021 Chuyên đề khoa học KH03                          | Đồng tác giả |
| 15 | Kinh nghiệm mua sắm xanh của một số quốc gia và đề   | 2021 | Tạp chí Môi trường ISSN:2615- 9597 Số 7 2021  | Đồng tác giả |
| 16 | Ứng dụng mô hình Mike đánh giá biến động chất lượng nước trên lưu vực sông Lô thuộc địa phận tỉnh Hà Giang   | 2021 | <i>Tạp chí Tài nguyên và Môi trường</i> , số 3 (377) 2/2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường<br>ISSN 1859 1477  | Đồng tác giả |
| 17 | Nghiên cứu giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong quản lý nhà nước về môi trường tại tỉnh Quảng Ninh  | 2022 | <i>Tạp chí Tài nguyên và Môi trường</i> , số 11 (385) 6/2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường<br>ISSN 1859 1477 | Đồng tác giả |
| 18 | Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp tăng cường giám sát công tác quản lý chất thải rắn tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh                             | 2022 | <i>Tạp chí Tài nguyên và Môi trường</i> , số 13 (387) 7/2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường<br>ISSN 1859 1477 | Đồng tác giả |

#### **4.2.3. Các bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài**

| STT | Tên bài báo | Năm công bố | Tên và số tạp chí quốc tế đã công bố | Mức độ tham gia (là tác giả/đồng tác giả) |
|-----|-------------|-------------|--------------------------------------|---|
|     |             |             |                                      |   |

#### **4.2.4. Các báo cáo hội nghị, hội thảo trong nước**

| Thời gian hội thảo | Tên báo cáo khoa học                    | Tên hội thảo                     | Mức độ tham gia (là tác giả/đồng tác giả) | Địa điểm tổ chức      |
|--------------------|---|----------------------------------|---|-----------------------|
| 2022               | Quy trình xây dựng, thẩm định, đánh giá | Gắn kết đào tạo, nghiên cứu khoa | Tác giả                                   | Đại học Tài nguyên và |

|  |  |  |  |                   |
|--|--|--|--|-------------------|
|  | và cập nhật chương trình đào tạo có sự tham gia của các bên liên quan tại trường Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội | học và chuyên gia công nghệ lĩnh vực tài nguyên và môi trường với thực tiễn xã hội trong thời kỳ cách mạng công nghệ 4.0 |  | môi trường Hà Nội |
|--|--|--|--|-------------------|

#### 4.2.5. Các báo cáo hội nghị, hội thảo quốc tế

| Thời gian hội thảo | Tên báo cáo khoa học  | Tên hội thảo  | Mức độ tham gia (là tác giả/đồng tác giả) | Địa điểm tổ chức                                   |
|--------------------|---|---|---|--|
| 2022               | Model of domestic solid waste classification and microbiological composting of households: a case study in Dai Tao village, Xuan Giang commune, Soc son district, Ha Noi, Vietnam | <i>Innovative Geosciences, Circular Economy and Sustainability</i><br>ISBN: 978-604-352-470-3 | Đồng tác giả                              | Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 2022               | Research on building a community participation based domestic solid waste management model  | Towards net zero emissions: Policy and practice   | Tác giả                                   | Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội            |
| 2022               | Life cycle inventory analysis for greenhouse gas emission of Minh Khai plastic waste recycling village in Vietnam   | <i>Innovative Geosciences, Circular Economy and Sustainability</i><br>ISBN: 978-604-352-470-3 | Đồng tác giả                              | Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội            |

#### 4.3. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học các cấp

| Thời gian thực hiện | Tên chương trình, đề tài   | Cấp quản lý đề tài | Trách nhiệm tham gia trong đề tài | Tình trạng đề tài (đã hoặc chưa nghiệm thu) |
|---------------------|--|--------------------|-----------------------------------|---|
| 2019                | Nghiên cứu xây dựng hệ thống cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai bão và áp thấp nhiệt đới theo các bản tin dự báo khí tượng thủy văn và áp dụng thử nghiệm cho khu vực Bắc Trung Bộ | Cấp nhà nước       | Thành viên/                       | Đã nghiệm thu                               |

|      |  |          |         |               |
|------|--|----------|---------|---------------|
| 2019 | Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS đánh giá hiện trạng lớp phủ thực vật tại các quận nội thành Hà Nội  | Cơ sở    | Chủ trì | Đã nghiệm thu |
| 2019 | Đánh giá khí hậu tỉnh Bắc Kạn  | Cấp tỉnh | Chủ trì | Đã nghiệm thu |
| 2020 | Đánh giá rủi ro một số loại hình thiên tai tại tỉnh Quảng Bình và đề xuất giải pháp quản lý  | Cơ sở    | Chủ trì | Đã nghiệm thu |
| 2021 | Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, cơ sở lý luận thực tiễn để xây dựng cấu trúc chương trình đào tạo lĩnh vực môi trường tại các trường đại học trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường"; Mã số: TNMT.2021.01.20 | Cấp Bộ   | Chủ trì | Đã nghiệm thu |

#### 4.4. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước

| Năm | Hình thức và nội dung giải thưởng | Tổ chức trao tặng |
|-----|-----------------------------------|-------------------|
|     |                                   |                   |
|     |                                   |                   |

#### 4.5. Kinh nghiệm hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS), học viên cao học (HVCH)

| Họ tên NCS/HVCH      | Đề tài luận án/luận văn   | Cơ sở đào tạo                           | Thời gian đào tạo | Vai trò hướng dẫn |
|----------------------|---|---|-------------------|-------------------|
| Phạm Minh Đức        | Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn công nghiệp tại khu công nghiệp Thăng Long, thành phố Hà Nội và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp | Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội | 2019-2021         | Hướng dẫn phụ     |
| Hoàng Thị Sáu        | Đánh giá sự tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở y tế trên địa bàn quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội"              | Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội | 2019-2021         | Hướng dẫn phụ     |
| Nguyễn Thị Phương An | Nghiên cứu phân vùng chức năng sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên tại đảo Hòn Khoai, xã Tân An, huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau"            | Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội | 2020-2022         | Hướng dẫn chính   |
| Bùi Anh Tuấn         | Nghiên cứu giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong quản lý nhà nước về môi trường tại tỉnh Quảng Ninh                                     | Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội | 2020-2022         | Hướng dẫn chính   |

|                    |  |   |           |                 |
|--------------------|--|---|-----------|-----------------|
| Phạm Thị Trang     | Đánh giá hiện trạng quy hoạch bảo vệ môi trường làng nghề huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội và đề xuất các giải pháp hoàn thiện          | Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội | 2020-2022 | Hướng dẫn chính |
| Nguyễn Bá Anh Minh | Nghiên cứu và đề xuất giải pháp giải quyết xung đột môi trường xã hội cho các dự án đầu tư trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, thành Phố Hà Nội | Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội | 2021-2023 | Hướng dẫn chính |
| Mai Đình Khải      | Nghiên cứu phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp tại xã Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam                | Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội | 2021-2023 | Hướng dẫn chính |

#### 4.6. Những thông tin khác về nghiên cứu khoa học

Tham gia các tổ chức, hiệp hội ngành nghề; thành viên ban biên tập các tạp chí khoa học trong và ngoài nước; thành viên các hội đồng quốc gia, quốc tế...

| Tên tổ chức            | Vai trò tham gia |
|------------------------|------------------|
| Hội Kinh tế môi trường | Thành viên       |

#### 5. Giảng dạy

|  |   |
|--|---|
| <b>5.1. Chuyên ngành giảng dạy chính</b> | <b>Khoa học Môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường</b>  |
| <b>5.2. Học phần có thể đảm nhiệm</b>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề;</li> <li>- Đánh giá tác động môi trường;</li> <li>- Quản trị môi trường doanh nghiệp</li> <li>- Đánh giá môi trường chiến lược;</li> <li>- Năng lượng và Môi trường;</li> <li>- Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường</li> <li>- Quản lý môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ</li> </ul> |

Tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung bản lý lịch khoa học, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN  
QUẢN LÝ TRỰC TIẾP**  
(Ký, đóng dấu)

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2023  
**NGƯỜI KHAI**  
(Ký, ghi rõ học hàm, học vị, họ và tên)



**TS. Vũ Văn Doanh**